

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp nhằm đảm bảo, hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; chính quyền các cấp, của hệ thống chính trị trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược.

2. Yêu cầu

- Quá trình tổ chức thực hiện phải bám sát các nội dung cơ bản của Chiến lược; có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; đồng thời, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể đến các sở, ngành, các địa phương trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát

Góp phần phát triển giáo dục đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và các tiến bộ mới nhất của khoa học, công nghệ; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo

dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Giáo dục mầm non

- Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phân đầu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 38% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 99% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo.

- Phân đầu có 99,5% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

- 100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

- Phân đầu tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thục đạt 30%, số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 35%.

- Phân đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có trên 87,1% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

b) Giáo dục phổ thông

- Tiếp tục duy trì vững chắc kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phân đầu đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,85%, cấp trung học cơ sở đạt 99,85%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,98%, trung học cơ sở đạt 99,68% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 99,8%; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,98%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

- 100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

- Phân đầu số cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 5% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 5,5%.

- Phân đầu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%; có 92,60% trường tiểu học, 86,90% trường trung học cơ sở và 68,90% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

c) Giáo dục đại học

- Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất là 260, tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18 - 22 đạt ít nhất 33%, tỷ lệ sinh viên quốc tế theo học các chương trình giáo dục đại học tại Thanh Hóa đạt 1,5%; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 45%.

- Từng bước dịch chuyển cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu; tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 35%.

- Mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn.

- Phấn đấu 100% trường đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp.

- Số lượng công bố khoa học và công trình ứng dụng khoa học công nghệ tính bình quân trên 01 giảng viên toàn thời gian đạt 0,8 công trình/năm.

d) Giáo dục thường xuyên

- Phấn đấu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 99,65%; trong đó tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 99,45%. Duy trì vững chắc đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Từng bước triển khai mô hình thành phố học tập; có ít nhất 50% huyện, thị xã, thành phố được công nhận danh hiệu huyện/thành phố học tập; phấn đấu Thanh Hóa là tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập. Phấn đấu có đơn vị hành chính tham gia vào Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO vào năm 2030.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; chỉ đạo, điều hành của chính quyền; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội đối với việc thực hiện Chiến lược

Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị quán triệt sâu sắc chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”; tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; xác định việc thực hiện Chiến lược là nhiệm vụ quan trọng trước mắt và lâu dài của các cấp ủy đảng, chính quyền.

Phát huy vai trò Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong việc tổ chức tuyên truyền quan điểm, chủ trương việc tổ chức thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh; thực hiện giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về giáo dục; phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục trong quản lý, giáo dục học sinh; tạo môi trường giáo dục lành mạnh góp phần bồi dưỡng lý tưởng cách mạng và động cơ học tập đúng đắn, nâng cao

chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Quan tâm nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận của cán bộ, Đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện Chiến lược để góp phần hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về giáo dục và quản trị nhà trường, tạo động lực cho đổi mới và phát triển

Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ khâu quán triệt đến khâu tổ chức thực hiện các quan điểm, đường lối và chủ trương phát triển giáo dục của Đảng, của Chính phủ từ nhận thức mục tiêu giáo dục đến nhận thức về các giải pháp, điều kiện đảm bảo để tạo chuyển biến căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Đổi mới quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục theo quy định, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông tới các địa phương và các cơ sở giáo dục, trong hệ thống giáo dục quốc dân từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đến giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường, thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, giảm dần đầu mối, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Giao quyền tự chủ gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, người học, cơ quan quản lý, bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong quản trị các cơ sở giáo dục.

Nâng cao chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp, các cơ sở giáo dục để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng.

Tất cả các cơ sở giáo dục triển khai có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong trường học, hình thành môi trường văn hóa giáo dục lành mạnh phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội; mỗi cơ sở giáo dục căn cứ theo nội dung, chương trình giáo dục của cấp học, bậc học và điều kiện thực tế, lựa chọn nội dung cụ thể, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác, xây dựng “Trường học hạnh phúc” gắn với văn hóa học đường.

Tăng cường hướng dẫn; thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh tự chủ đại học và đổi mới quản trị cơ sở giáo dục đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế chung. Thực hiện việc bí thư cấp ủy kiêm chủ tịch hội đồng trường, hội đồng đại học công lập.

3. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Thực hiện đảm bảo chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng.

Thực hiện có hiệu quả, đảm bảo các chính sách hỗ trợ cho người học là đối tượng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người; chính sách cho sinh viên theo chế độ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, người học là người dân tộc thiểu số rất ít người.

Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

Củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

Triển khai hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hóa các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông; thu gọn các điểm trường công lập trên địa bàn tỉnh trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của từng địa phương gắn với nâng cao chất

lượng giáo dục; hình thành trường phổ thông nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông).

Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập.

Ưu tiên bố trí đủ quỹ đất, tạo điều kiện phát triển cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông loại hình tư thục ở những nơi có khả năng xã hội hóa cao. Đảm bảo đủ trường, lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Phát triển trường học hạnh phúc, trường học thông minh, trường chất lượng cao, trường tự chủ,...

Triển khai hiệu quả việc quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

5. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

Đẩy nhanh thực hiện việc đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục và đào tạo; chú trọng giáo dục các giá trị cốt lõi, nhân văn, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống văn hóa, tự hào dân tộc, giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực thể chất và văn hóa thể chất, ý thức trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm đồng bộ về nội dung và phương pháp, tiếp cận xu hướng tiên tiến về phát triển chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn, liên thông với đổi mới giáo dục phổ thông; tăng cường quản lý việc thực hiện Chương trình trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, quan tâm hỗ trợ chuyên môn đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập; chuẩn bị đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục. Xây dựng kế hoạch thực hiện khung kỹ năng bồi dưỡng, thúc đẩy tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.

Thực hiện đổi mới chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông.

Tăng cường các nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực các ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn,... Đổi mới quản lý, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế.

Tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng khuyến khích lồng ghép nội dung về tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp vào chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh, sinh viên. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cần đạt để đánh giá tính tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên khi tham gia các hoạt động.

Thực hiện đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hòa, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học. Thực hiện hiệu quả các chu kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông, làm cơ sở đề xuất các chính sách, giải pháp đổi mới các hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân, người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; ưu tiên đầu tư đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh cho các trường sư phạm, các ngành đào tạo giáo viên; các chương trình đào tạo đại học triển khai dạy học ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông và đào tạo bằng ngoại ngữ một số ngành học đại học; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Xây dựng kế hoạch, triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia trong giai đoạn mới.

Xây dựng kế hoạch, triển khai quy trình phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, sinh viên, nhất là trong các môn học, các ngành nghề STEM; ưu tiên tuyển chọn và cấp học bổng cho những cá nhân xuất sắc đi học tập ở nước ngoài theo các chương trình học bổng có sử dụng ngân sách Nhà nước phù hợp với định hướng phát triển nhân lực quốc gia.

Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục trong tỉnh.

Bố trí, sắp xếp, sử dụng đội ngũ giáo viên hiện có đảm bảo hiệu quả, thực hiện đồng đều về định mức tiết dạy theo quy định giữa các đối tượng trong cùng cơ sở giáo dục và giữa các địa phương, đơn vị; kịp thời tuyển dụng viên chức làm giáo viên, tuyển dụng lao động hợp đồng làm giáo viên theo chỉ tiêu được giao; đảm bảo có đủ giáo viên thực hiện chương trình giáo dục đối với từng cấp học theo quy định.

Cơ sở đào tạo thuộc tỉnh thực hiện đào tạo ngành sư phạm theo chỉ tiêu được giao, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng và sử dụng giáo viên của cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của tỉnh. Liên tục đổi mới phương thức đào tạo giáo viên theo hướng hiện đại, tăng cường gắn đào tạo giáo viên với thực hành sư phạm tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; tiếp tục triển khai chương trình đào tạo giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ; thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trường học theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp; tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại và nâng trình độ chuẩn cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên, tăng số lượng giảng viên đi đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài.

Có chính sách thu hút các nhà khoa học trong và ngoài nước, người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên tại các cơ sở đào tạo trong tỉnh. Thực hiện đào tạo giáo viên theo cơ chế đặt hàng đối với một số ngành sư phạm mà các trường đại học trong tỉnh chưa đào tạo.

Thực hiện đổi mới công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đổi mới công tác đánh giá, phân loại nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu; có giải pháp phù hợp trong bố trí, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên không đáp ứng yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo.

Thực hiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục phát triển; nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

Thực hiện bố trí ngân sách Nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách Nhà nước theo quy định và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo.

Thực hiện phân bổ và sử dụng ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, xóa mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Từng bước thực hiện cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra. Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của Nhà nước đối với người học ở trường công lập và tư thục. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thục chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học,

khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu.

Xây dựng, triển khai chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình. Thực hiện có hiệu quả, đảm bảo theo quy định việc tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, vốn đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư công để gia tăng thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đại học tương xứng với vị trí vai trò của giáo dục đại học, nhất là cho đào tạo nhân lực chất lượng cao, cho các ngành trọng điểm, công nghệ cao.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục

Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong ngành giáo dục để thích ứng với xu thế phát triển của thế giới. Tăng cường chuyển đổi số trong quản trị, quản lý; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Đẩy mạnh đào tạo trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh; triển khai mạnh mẽ mô hình giáo dục đại học số nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Thực hiện việc phát triển mạng lưới giáo dục đại học số trên cơ sở chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong tổ chức và hoạt động của các trường đại học trong tỉnh; liên kết mạng lưới cơ sở giáo dục đại học trên các nền tảng trực tuyến nhằm chia sẻ, sử dụng hiệu quả tài nguyên và dịch vụ giáo dục đại học; chuyển đổi mô hình hoạt động của một số trường đại học trong tỉnh thành trường đại học số, trường đào tạo số. Tăng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học số; tham gia vào mạng lưới cơ sở giáo dục đại học theo ngành, lĩnh vực trọng điểm trên hệ thống giáo dục đại học số quốc gia.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ

trợ các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

9. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học

Đầu tư nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học; ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, công nghệ mới và nghiên cứu ứng dụng những lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh. Tăng cường công bố khoa học, khuyến khích xuất bản và phổ biến các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, bảo đảm liên chính học thuật.

Thực hiện phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tập trung đẩy mạnh gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học và tạo ra tài sản trí tuệ. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, khuyến khích thành lập doanh nghiệp ứng dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học. Hình thành văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục từ phổ thông đến đại học; hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học.

Phát triển nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục; tập trung đầu tư nâng cao tiềm lực và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục.

10. Tăng cường hội nhập quốc tế

Chủ động mở rộng hợp tác song phương và đa phương; thúc đẩy hợp tác với các nước có nền giáo dục chất lượng hàng đầu thế giới. Đẩy mạnh việc ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa thuận, điều ước quốc tế, trong đó ưu tiên thực hiện các cam kết quốc tế, khu vực về mục tiêu phát triển giáo dục, chương trình, dự án và các chương trình học bổng hiệp định đối với các cấp học.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế giữa các cơ sở giáo dục với các đối tác có uy tín của nước ngoài; thực hiện tham chiếu khung trình độ quốc gia Việt Nam với các khung trình độ quốc gia các nước, các khu vực.

Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài; phát triển các trường phổ thông chất lượng cao, tiếp tục thúc đẩy các cơ sở giáo dục xây dựng chương trình tích hợp giữa chương trình Việt Nam và chương trình của các nước tiên

tiến; liên kết giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh phổ thông; khuyến khích công nhận chứng chỉ, văn bằng liên thông với các chương trình đào tạo của các trường nước ngoài có uy tín hoặc được cấp có thẩm quyền công nhận để thu hút học sinh, sinh viên, nhà khoa học nước ngoài đến học tập, nghiên cứu và làm việc tại tỉnh Thanh Hóa.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách UBND tỉnh phân bổ hằng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác. Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA (nếu có).

- Nguồn thu từ học phí, huy động xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ngành và địa phương

Lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Kế hoạch và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả; cụ thể hóa các nội dung thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp tình hình thực tế.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu việc báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học và với các cấp học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật về việc làm đồng bộ, liên thông với khung trình độ quốc gia đáp ứng yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp của thị trường lao động; tổ chức dự báo và thông tin về nhu cầu nhân lực trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch đối với các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét đầu tư các chương trình, dự án đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục và đào tạo từ các nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét ưu tiên bố trí ngân sách cho nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; bảo đảm bố trí ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu việc phối hợp với các bộ, ngành Trung ương ưu tiên bố trí, bổ sung biên chế ngành giáo dục sát với nhu cầu của địa phương, đảm bảo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo các đơn vị có liên quan xây dựng, thực hiện cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì hướng dẫn các cơ quan báo chí và hệ thống truyền thông thực hiện tuyên truyền về giáo dục. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục và đào tạo.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà trường được sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường để bồi dưỡng, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

5. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm, chăm lo việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh để cải thiện, có kết quả rõ rệt trong việc nâng cao thể lực, sức khỏe của con người Việt Nam thế hệ mới.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành giáo dục, nhất là tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học, đơn vị có liên quan tham mưu việc thúc đẩy hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển giáo dục và đào tạo.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phương án phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ liên quan đến phát triển giáo dục và đào tạo.

7. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 góp phần củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

8. Hội Khuyến học tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, lực lượng xã hội tham gia tuyên truyền về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; vận động các tổ chức, lực lượng xã hội tích cực triển khai hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các mô hình học tập, tấm gương tiêu biểu của tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương, tổ chức liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; xây dựng các hoạt động tuyên truyền quan điểm, chủ trương việc tổ chức thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh.

10. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng thông qua các ngày truyền thống của Đoàn, Đội, Hội, các sự kiện trọng đại, các ngày lễ lớn của dân tộc trong năm; tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng cho đoàn viên, thanh thiếu niên bằng các hoạt động thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Chú trọng công tác phát triển Đảng, kết nạp đảng viên đối với học sinh trung học phổ thông, để làm hạt nhân trong các phong trào, hoạt động trong và ngoài nhà trường.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ theo nội dung Kế hoạch này xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác quy hoạch, bố trí đủ quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo theo quy định; bố trí đủ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách Nhà nước cho giáo dục và đào tạo; chịu trách nhiệm về kết quả

thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trong lĩnh vực giáo dục của địa phương.

12. Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hợp tác với các cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước, giảng dạy các chương trình giáo dục theo chuẩn quốc tế; tham mưu tổ chức thực hiện các nội dung về lĩnh vực giáo dục đại học.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện, trước ngày 10/4/2025. Hằng năm, báo cáo UBND tỉnh kết quả tổ chức thực hiện trước ngày 15/12 (qua Sở Giáo dục và Đào tạo).

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng